CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Digitally signed by Nguyễn Thị Thu Hương
Reason: Chức vụ: Kế toán trưởng, Liên hệ: 0978717220, Mail: thuhuongk9@gmail.com
Location: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC)
Date: 2024-08-26 15:49:06

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Đình Hiển	Chủ tịch
Ông Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên – miễn nhiệm ngày 10/07/2024
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên độc lập
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên – bổ nhiệm ngày 20/04/2024

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 5800000424 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG - TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Lê Văn Quý
Tổng giám đốc

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

RSM Việt Nam
Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 33 /2024/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network.
Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right.
The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302361789 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Hoài Nam
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1
(Theo Giấy ủy quyền số 11/2023-24/UQ-RSM ngày 01/10/2023)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**164.896.243.308**	**163.135.154.397**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**52.618.560.558**	**74.493.281.520**
1. Tiền	111		618.560.558	9.493.281.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.000.000.000	65.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**9.000.000.000**	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	9.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**85.387.192.174**	**73.190.943.830**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.4	37.025.442.221	31.065.507.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	28.333.766.644	27.638.289.744
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.6	19.100.000.000	19.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.7	4.666.985.811	1.773.087.036
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.8	(3.739.002.502)	(6.385.940.450)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**17.116.490.343**	**14.607.410.524**
1. Hàng tồn kho	141	4.9	17.116.490.343	14.607.410.524
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**774.000.233**	**843.518.523**
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	774.000.233	843.518.523
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**153.817.181.296**	**155.438.113.521**
I. Tài sản cố định	**220**		**8.701.284.796**	**10.322.217.021**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	5.824.877.538	7.370.434.763
Nguyên giá	222		88.258.029.476	88.222.103.550
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.433.151.938)	(80.851.668.787)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	2.876.407.258	2.951.782.258
Nguyên giá	228		3.139.364.500	3.139.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.957.242)	(187.582.242)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**145.115.896.500**	**145.115.896.500**
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.3	145.115.896.500	145.115.896.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**318.713.424.604**	**318.573.267.918**

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**140.543.870.970**	**148.009.466.225**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**140.543.870.970**	**148.009.466.225**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	15.520.113.856	11.355.121.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	118.158.953.227	125.013.189.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	113.645.973	255.083.687
4. Phải trả người lao động	314		500.000.000	2.808.125.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	149.281.083	2.687.665.535
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	273.806.360	306.910.019
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		40.000.000	40.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	4.671.365.732	4.671.365.732
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.116.704.739	872.004.739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**178.169.553.634**	**170.563.801.693**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.18	**178.169.553.634**	**170.563.801.693**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.811.093.513	2.030.553.178
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.305.751.941	15.480.540.335
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.305.751.941	15.480.540.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**318.713.424.604**	**318.573.267.918**

Phê duyệt

M.S.D.N: 5800000424 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG * TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	39.197.550.064	80.401.298.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.21	1.365.092.036	412.198.682
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.832.458.028	79.989.099.637
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	34.044.181.335	75.648.730.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.788.276.693	4.340.368.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	20.545.093.560	25.916.127.318
7. Chi phí tài chính	22	4.24	25.910.118	38.404.855
Trong đó, chi phí lãi vay	23		*1.400.000*	*14.077.083*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	1.829.178.258	5.715.688.470
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.478.281.877	24.502.402.923
10. Thu nhập khác	31	4.26	953.155.963	1.207.366.949
11. Chi phí khác	32	4.27	812.102.151	5.548.182
12. Lợi nhuận khác	40		141.053.812	1.201.818.767
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.619.335.689	25.704.221.690
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	313.583.748	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.305.751.941	25.704.221.690

Phê duyệt

M.S.D.N: 5800000424 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG * TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		22,619,335,689	25,704,221,690
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.28	1,656,858,151	1,950,650,779
Các khoản dự phòng	03		(2,646,937,948)	(420,000,000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	4.23	(20,545,093,560)	(26,697,945,500)
Chi phí lãi vay	06		1,400,000	14,077,083
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**1,085,562,332**	**551,004,052**
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(9,846,800,511)	9,838,676,590
(Tăng) hàng tồn kho	10		(2,509,079,819)	(31,904,081)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7,710,295,255)	(35,162,798,413)
Giảm chi phí trả trước	12		-	324,074,074
Tiền lãi vay đã trả	14		(1,400,000)	(14,077,083)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(55,300,000)	(60,257,094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(19,037,313,253)**	**(24,555,281,955)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35,925,926)	(3,782,363,636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	781,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9,000,000,000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(20,000,000,000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20,598,518,217	25,916,127,318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**11,562,592,291**	**2,915,581,864**

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	50.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(587.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.18	(14.400.000.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(14.400.000.000)**	**(7.737.000.000)**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	**50**		**(21.874.720.962)**	**(29.376.700.091)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		74.493.281.520	79.396.065.061
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	**70**		**52.618.560.558**	**50.019.364.970**

Phê duyệt	Người lập
Lê Văn Quý	**Nguyễn Thị Thu Hương**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Mẫu số B 09a – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 12 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 55 (01 tháng 01 năm 2024 là: 56).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo

Xuất phát từ những khó khăn về thị trường và công tác quản lý dự án công tại địa bàn, các dự án mới của Công ty bị chậm tiến độ thi công dẫn đến tổng doanh thu trong 6 tháng đầu năm 2024 giảm 51% so với kỳ trước. Nguyên nhân cụ thể được xác định chủ yếu liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, mặt bằng vướng rừng trồng do chuyển mục đích sử dụng rừng theo chủ trương mới của Thủ tướng. Bên cạnh đó sự cố thiên tai sạt trượt, mưa lớn làm chậm tiến độ thi công và kế hoạch giải ngân vốn đã được bố trí, ảnh hưởng lớn đến tiến độ nghiệm thu các công trình do Công ty đảm nhiệm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con gián tiếp:					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bố, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	64,90%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2023.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	44.565.556	141.392.091
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	573.995.002	9.351.889.429
Các khoản tương đương tiền (*)	52.000.000.000	65.000.000.000
Cộng	**52.618.560.558**	**74.493.281.520**

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 1,6% đến 2,4%/năm.

(*) Giá trị cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng là 8.000.000.000 VND với lãi suất 3,75%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho việc phát hành bảo lãnh tạm ứng của công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 nám 2022.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 3,4% đến 3,6%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 30/06/2024 VND			Tại ngày 01/01/2024 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	-	660.682.000.000	110.775.469.000	-	623.040.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	34.340.427.500	-	40.133.940.000	34.340.427.500	-	34.884.000.000
Cộng	**145.115.896.500**	**-**	**700.815.940.000**	**145.115.896.500**	**-**	**657.924.000.000**

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40 trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2024.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	11.423.312.450	2.776.309.800
Phải thu từ khách hàng:		
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng	7.775.857.510	8.181.704.267
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Tây Ninh	4.557.001.100	4.173.979.100
Công ty CP Công trình và Thương mại Giao thông vận tải	3.528.200.000	3.528.200.000
Các khách hàng khác (*)	9.741.071.161	12.405.314.333
Cộng	**37.025.442.221**	**31.065.507.500**

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	3.822.287.758	4.214.826.758
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Trọng Tín (*)	17.502.945.318	17.193.940.780
Các nhà cung cấp khác (**)	7.008.533.568	6.229.522.206
Cộng	**28.333.766.644**	**27.638.289.744**

(*) Là khoản trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Đông Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022 và dự án xây dựng hồ chứa nước KaZam, Đơn Dương theo Hợp đồng số 01KZ/2023/HĐ-LHC-TT ngày 29 tháng 11 năm 2023.

(**) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu về cho vay các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	15.000.000.000	15.000.000.000
BQL Dự án ĐT&XD và Công trình công cộng huyện Đơn Dương (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
BQL Dự án ĐT&XD và Công trình công cộng huyện Đam Rông	100.000.000	100.000.000
Cộng	**19.100.000.000**	**19.100.000.000**

(*) Là khoản cho Ban QLDA ĐTXD và Công trình công cộng huyện Đơn Dương mượn tiền để đền bù giải phóng mặt bằng công trình Hồ Chứa Nước Kazam theo Công văn số 217/BQLDA ngày 19 tháng 12 năm 2023, không có lãi suất.

4.7. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	58.561.644	-	111.986.301	-
Tạm ứng với bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	3.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác:				
Phải thu người lao động	1.597.150.104	-	1.655.625.735	-
Phải thu khác	11.274.063	-	5.475.000	-
Cộng	**4.666.985.811**	**-**	**1.773.087.036**	**-**

4.8. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.739.002.502	-	8.385.940.450	2.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã quá hạn từ nhiều năm và khó có khả năng thu hồi.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND			Tại ngày 01/01/2024 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	-	Trên 3 năm	3.528.200.000	-	3 năm
Công ty CP Thủy điện Liên Gich	210.802.502	-	Trên 2 năm	210.802.502	-	2 năm
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	-	-		4.646.937.948	2.000.000.000	5 năm
Cộng	**3.739.002.502**	**-**		**8.385.940.450**	**2.000.000.000**	

4.9. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	15.969.171.372	-	13.368.892.513	-
Hàng hóa	1.147.318.971	-	1.238.518.011	-
Cộng	**17.116.490.343**	**-**	**14.607.410.524**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Hồ chứa nước Đông Thanh	8.027.895.766	7.469.204.899
Hồ chứa nước Ka Zam	5.506.536.531	2.179.724.250
Hồ chứa nước Tà Hoét	1.405.800.476	1.365.291.035
Công trình Lộc Sơn	530.686.359	462.519.681
Dự án hạ tầng Vườn Chanh - Long An	370.016.130	1.841.152.648
Kênh và CTTK Vàm Cỏ Đông - Gói 20	128.236.110	-
Kênh và CTTK Vàm Cỏ Đông - Gói 17	-	51.000.000
Cộng	**15.969.171.372**	**13.368.892.513**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2024	76.506.803.822	11.633.299.728	82.000.000	88.222.103.550
Mua trong kỳ	35.925.926	-	-	35.925.926
Tại ngày 30/06/2024	**76.542.729.748**	**11.633.299.728**	**82.000.000**	**88.258.029.476**
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2024	71.734.166.317	9.059.950.613	57.551.857	80.851.668.787
Khấu hao trong kỳ	1.224.474.667	343.341.816	13.666.668	1.581.483.151
Tại ngày 30/06/2024	**72.958.640.984**	**9.403.292.429**	**71.218.525**	82.433.151.938
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2024	4.772.637.505	2.573.349.115	24.448.143	7.370.434.763
Tại ngày 30/06/2024	**3.584.088.764**	**2.230.007.299**	**10.781.475**	**5.824.877.538**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 72.978.234.394 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	3.015.000.000	124.364.500	3.139.364.500
Tại ngày 30/06/2024	**3.015.000.000**	**124.364.500**	**3.139.364.500**
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	63.217.742	124.364.500	187.582.242
Khấu hao trong năm	75.375.000	-	75.375.000
Tại ngày 30/06/2024	**138.592.742**	**124.364.500**	**262.957.242**
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	2.951.782.258	-	2.951.782.258
Tại ngày 30/06/2024	**2.876.407.258**	**-**	**2.876.407.258**

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.364.500 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	4.639.051.299	4.639.051.299	69.622.793	69.622.793
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Xây dựng Thành Đạt Miền Trung	2.252.166.000	2.252.166.000	-	-
Công ty CP ĐT&XD Công trình Tây Đô	1.871.105.122	1.871.105.122	1.871.105.122	1.871.105.122
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	6.757.791.435	6.757.791.435	9.414.393.263	9.414.393.263
Cộng	**15.520.113.856**	**15.520.113.856**	**11.355.121.178**	**11.355.121.178**

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (*)	75.200.000.000	75.200.000.000
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà (**)	21.600.000.000	21.600.000.000
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC huyện Đơn Dương (***)	17.697.115.614	23.837.155.122
Các khách hàng khác	3.661.837.613	4.376.034.613
Cộng	**118.158.953.227**	**125.013.189.735**

(*) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến công trình Ta Hoét, Định An theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021. Công trình này hiện chưa thể khởi công do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(**) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà liên quan đến công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022. Công trình này đang tạm ngừng do vấn đề địa chất khu vực vượt tầm xử lý của cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh.

(***) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình CC huyện Đơn Dương liên quan đến công trình xây dựng hồ chứa nước Kazam, huyện Đơn Dương theo Hợp đồng số 21/2023/HĐXD-BQLDA ngày 25 tháng 09 năm 2023.

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	769.604.860	-	349.879.470	105.814.012	525.539.402	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.395.373	-	-	313.583.748	317.979.121	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	113.645.973	808.777.714	667.340.000	-	255.083.687
Các khoản phí, lệ phí	-	-	5.798.444	5.798.444	-	-
Cộng	**774.000.233**	**113.645.973**	**1.164.455.628**	**1.092.536.204**	**843.518.523**	**255.083.687**

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước giá vốn công trình Vườn Chanh Long an	181.481.481	332.634.880
Trích trước giá vốn công trình Kênh và CTTK Vàm Cỏ Đông - Gói 17	124.577.388	-
Trích trước giá vốn công trình Kênh và CTTK Vàm Cỏ Đông - Gói 13	68.668.417	-
Trích trước giá vốn công trình nạo vét Suối Tân Lập - Đạ Tẻh	(225.446.203)	2.221.472.895
Trích trước giá vốn công trình nạo vét HCN 'Lôm, Đơn Dương	-	90.192.727
Trích trước giá vốn các công trình còn lại	-	43.365.033
Cộng	**149.281.083**	**2.687.665.535**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Kinh phí công đoàn	153.264.365	122.457.524
Phải trả khác	120.541.995	184.452.495
Cộng	**273.806.360**	**306.910.019**

4.17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Đầu tư hạ tầng vườn chanh - Long An	1.392.677.483	1.392.677.483
Hồ chứa nước Đông Thanh - Lâm Hà	1.258.988.318	1.258.988.318
Các công trình khác	2.019.699.931	2.019.699.931
Cộng	**4.671.365.732**	**4.671.365.732**

Dự phòng bảo hành công trình được trích theo tỷ lệ trên doanh thu tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công nhưng không quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	6.071.657.587	3.158.895.591	162.283.261.358
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	25.704.221.690	25.704.221.690
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 02/03/2023 của HĐQT	-	-	(4.041.104.409)	(3.158.895.591)	(7.200.000.000)
Tại ngày 30/06/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	2.030.553.178	25.704.221.690	180.787.483.048
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	11.376.318.645	11.376.318.645
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023 theo Thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền ngày 04/08/2023 của HĐQT	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	144.000.000.000	9.052.708.180	2.030.553.178	15.480.540.335	170.563.801.693
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	22.305.751.941	22.305.751.941
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023 theo Thông báo tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền ngày 17/04/2024 của HĐQT	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ24-LHC ngày 20/04/2024	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ24-LHC ngày 20/04/2024	-	-	780.540.335	(780.540.335)	-
Tại ngày 30/06/2024	**144.000.000.000**	**9.052.708.180**	**2.811.093.513**	**22.305.751.941**	**178.169.553.634**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Vốn góp của các cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(14.400.000.000)	(7.200.000.000)

4.18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2024	2.030.553.178
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ24-LHC ngày 20/04/2024	780.540.335
Tại ngày 30/06/2024	**2.811.093.513**

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý:				
Ban QLDA Đầu tư và xây dựng CTCC huyện ĐạTẻh	-	2.033.760.000	-	2.033.760.000
Ban QLDA hồ Tuyền Lâm -	-	89.104.790	-	89.104.790
Công ty CP 508	-	57.338.000	-	57.338.000
Cộng	**-**	**2.180.202.790**	**-**	**2.180.202.790**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	39.197.550.064	80.401.298.319
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	8.458.461.177	3.585.711.530

Nguyên nhân doanh thu kỳ này giảm so với kỳ trước được thuyết minh tại Mục 1.5.

4.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giảm doanh thu hợp đồng xây dựng	1.365.092.036	412.198.682

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	34.044.181.335	75.648.730.707

Giá vốn hợp đồng xây dựng kỳ này giảm doanh thu giảm như được thuyết minh tại Mục 1.5.

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	19.470.258.000	24.662.326.800
Lãi cho vay bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	331.582.192	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	743.253.368	1.253.800.518
Cộng	**20.545.093.560**	**25.916.127.318**

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.400.000	14.077.083
Chi phí tài chính khác	24.510.118	24.327.772
Cộng	**25.910.118**	**38.404.855**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.324.352.281	3.025.509.132
Chi phí vật liệu quản lý	-	28.540.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	432.383.484	350.192.424
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(2.646.937.948)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.078.112	687.905.074
Chi phí bằng tiền khác	1.164.302.329	1.620.541.840
Cộng	**1.829.178.258**	**5.715.688.470**

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này giảm 68% so với kỳ trước chủ yếu là do hoàn nhập khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam và hoàn nhập quỹ lương trích trước năm 2023 chưa chi hết tại 31/03/2024.

4.26. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán vật tư cho bên liên quan – Xem thêm Mục 4.30	647.535.836	5.548.182
Bán vật tư	70.559.200	-
Bán đất thải	104.160.000	-
Xóa công nợ	130.900.927	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho bên liên quan	-	781.818.182
Thu nhập khác	-	420.000.585
Cộng	**953.155.963**	**1.207.366.949**

4.27. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán vật tư	718.095.036	5.548.182
Giá vốn bán đất thải	91.199.040	-
Chi phí phạt thuế, vi phạm hành chính	2.798.444	-
Các khoản khác	9.631	-
Cộng	**812.102.151**	**5.548.182**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.824.271.986	68.597.228.787
Chi phí nhân công	6.534.686.582	9.373.661.437
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.656.858.151	1.950.650.779
Chi phí dự phòng	(2.646.937.948)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(589.830.285)	396.689.229
Chi phí khác bằng tiền	1.694.589.966	1.078.093.026
Cộng	**38.473.638.452**	**81.396.323.258**

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	22.619.335.689	25.704.221.690
Cộng: Chi phí không được trừ	79.473.594	69.859.092
Trừ: Lợi nhuận từ công ty con	(19.470.258.000)	(24.662.326.800)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(1.660.632.543)	(1.111.753.982)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.567.918.740	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	**313.583.748**	**-**

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định là xe ôtô có nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ và lợi nhuận từ công ty con.

4.30. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
7. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
8. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	8.121.567.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	3.301.745.450	2.690.539.800
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	85.770.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	**11.423.312.450**	**2.776.309.800**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40 (*)	3.822.287.758	4.214.826.758

(*) Là khoản ứng trước theo theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 để thực hiện công trình xây dựng hồ chưa nước Ta Hoét, huyện Đức Trọng.

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.6:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng (*)	15.000.000.000	15.000.000.000

(*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng, công ty con, vay tiền nhằm bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,2%/năm. Trong thời hạn Hợp đồng có hiệu lực, mức lãi suất cho vay có thể thay đổi căn cứ vào biểu lãi suất điều chỉnh của ngân hàng BIDV theo Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/LHC – LBM.

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tạm ứng mua vật tư – Xem thêm Mục 4.7:		
Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc	3.000.000.000	-
Trích trước lãi cho vay – Xem thêm Mục 4.7:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	58.561.644	111.986.301

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.12:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(4.639.051.299)	(69.622.793)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	45.318.071	1.228.939.682
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	968.253.000	2.715.343.000
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	8.121.567.000	-
Cộng	**9.135.138.071**	**3.944.282.682**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 4.20	8.458.461.177	3.585.711.530
Thuế từ doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	676.676.894	358.571.152

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán vật tư:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	72.709.051	6.103.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	629.836.850	-
Cộng	**702.545.901**	**6.103.000**
Trong đó:		
Bán vật tư cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 4.26	647.535.836	5.548.182
Thuế từ bán vật tư cho các bên liên quan	55.010.065	554.818

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	5.893.434.930	9.319.302.744
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	517.058.000	759.068.840
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	1.166.400	-
Cộng	**6.411.659.330**	**10.078.371.584**
Trong đó:		
Mua hàng và dịch vụ từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế	5.922.544.379	9.162.155.988
Thuế mua hàng và dịch vụ từ các bên liên quan	489.114.951	916.215.596

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuê văn phòng:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng (*)	81.000.000	165.000.000
Trong đó:		
Mua hàng và dịch vụ từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế	75.000.000	150.000.000
Thuế mua hàng và dịch vụ từ các bên liên quan	6.000.000	15.000.000

(*) Từ ngày 01/04/2024, Công ty không phải trả tiền thuê văn phòng cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng theo Thông báo số 11/TB-HĐQT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi cho vay – Xem thêm Mục 4.23:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	331.582.192	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cổ tức – Xem thêm Mục 4.23:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	19.470.258.000	24.662.326.800

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiển	Chủ tịch HĐQT	361.000.000	361.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	30.000.000
Cộng		**491.000.000**	**511.000.000**

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	241.000.000	241.000.000
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc	151.000.000	151.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	61.000.000	151.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	151.000.000	-
Cộng		**604.000.000**	**543.000.000**

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiển	Chủ tịch HĐQT	1.072.000.000	536.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	432.600.000	216.300.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	70.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	2.000.000	17.850.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	127.500.000	-
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	91.600.000	45.800.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	37.000.000	13.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	21.004.000	-
Cộng		**1.783.704.000**	**899.450.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Cộng		**54.000.000**	**54.000.000**

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	222.000.000	111.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	328.000.000	164.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	165.000.000	82.500.000
Cộng		**715.000.000**	**357.500.000**

4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.

Phê duyệt	Người lập
Lê Văn Quý	Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 08 năm 2024